BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo: Nuôi trồng thuỷ sản **Khoá đào tạo: 2026**
Trình độ đào tạo: Đại học **Hình thức đào tạo: Chính quy**
(Kèm theo Quyết định số 5300/QĐ-ĐHĐT ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tín Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
A. Khối kiến thức giáo dục đại cương			**35**						
I. Ngoại ngữ (*)				*Theo QĐ số 6116/QĐ-ĐHĐT, ngày 25/9/2025*					
II. Tin học (*)									
III. Giáo dục quốc phòng (*)			**11**						
1	GE4165	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam*	3	45					Học tập trung năm I
2	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh*	2	30			GE4165		
3	GE4166	Quân sự chung*	2	14	16		GE4165		
4	GE4167	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*	4	4	56		GE4165		
IV. Giáo dục thể chất (*)			**3**						
4.1. Học phần thể chất bắt buộc			2						
5	GE4306	Giáo dục thể chất 1*	1		30				1
6	GE4334	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội)*	1		30		GE4306		2
4.2. Học phần thể chất tự chọn			**1**						
7	GE4335	Bóng đá*	1		30		GE4306		3
8	GE4336	Bóng chuyền*	1		30		GE4306		3
9	GE4337	Cầu lông*	1		30		GE4306		3
10	GE4338	Võ thuật Vovinam*	1		30		GE4306		3
11	GE4339	Võ thuật Karatedo*	1		30		GE4306		3
12	GE4340	Cờ vua*	1		30		GE4306		3
13	GE4347	Pickleball*	1		30		GE4306		3
V. Đại cương chung			**21**						
5.1. Đại cương chung bắt buộc			**17**						
14	AQ4500	Nhập môn nghề nghiệp nuôi trồng thủy sản	1	15					1
15	GE4091	Triết học Mác - Lênin	3	45					1
16	GE4039N	Pháp luật Việt Nam đại cương	3	45					1
17	AI4450	Nhập môn Công nghệ số và ứng dụng AI	2	20	20				3
18	GE4092	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30			GE4091		2
19	GE4093	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			GE4092		3
20	GE4056	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			GE4092		3
21	GE4094	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30			GE4092		5
5.2. Đại cương chung tự chọn			**4**						
22	AQ4144	Hóa học đại cương	2	30					1
23	AQ4143	Sinh học đại cương	2	20	20				1
24	GE4407	Hình thành và phát triển kỹ năng mềm	2	30					2
25	GE4112	Nhập môn khoa học giao tiếp	2	30					2
26	GE4061	Xã hội học đại cương	2	30					2
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			**130**						
I. Kiến thức cơ sở nhóm ngành			**10**						
27	AQ4447	Hệ thống nông nghiệp	2	30					2
28	AQ4001	Động vật không xương sống ở nước	3	45					1
29	AQ4011N	Sinh thái thủy sinh vật	3	45					2
30	AQ4446	Thực vật thuỷ sinh	2	20	20				2
II. Kiến thức cơ sở ngành			**27**						
31	AQ4006	Tổ chức phôi học động vật thủy sản	2	30					2
32	AQ4002	Ngư loại và động vật có xương sống ở nước	3	36	18				3
33	AQ4010	Quản lý chất lượng nước trong nuôi trồng thủy sản	3	30	30				4
34	AQ4008	Sinh lý học động vật thủy sản	3	45					2
35	AQ4007	Di truyền học và chọn giống thủy sản	3	40	10				3
36	AQ4137N	Tin học ứng dụng cho thủy sản	3	15	60				7
37	AQ4003	Hóa sinh động vật thủy sản	2	30					1
38	AQ4129	Miễn dịch học ứng dụng trong NTTS	2	30					3
39	AQ4403N	Phương pháp nghiên cứu khoa học thủy sản	3	45					6
40	AQ4102	Dinh dưỡng và thức ăn động vật thủy sản	3	45					4
III. Kiến thức chuyên ngành			**58**						
3.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			**50**						
41	AQ4134N	Kỹ thuật nuôi thức ăn tự nhiên	3	39	12				4
42	AQ4154	Xây dựng dự án nuôi trồng thủy sản	3	35	20				3

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tín Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
43	AQ4103	Bệnh học thủy sản	3	35	20				4
44	AQ4106N	Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi động vật thân mềm	3	30	30				4
45	AQ4108	Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi giáp xác	3	35	20				4
46	AQ4101N	Kỹ thuật sản xuất giống cá nước ngọt	3	35	20				5
47	AQ4135	Kỹ thuật nuôi cá cảnh	2	20	20				8
48	AQ4112N	Kinh tế nuôi trồng thủy sản	3	45					8
49	AQ4104	Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt	3	30	30				5
50	AQ4121N	Sản xuất giống và kỹ thuật nuôi thương phẩm cá biển	3	45					6
51	AQ4405	Quy hoạch và phát triển nghề cá	3	45					5
52	AQ4114	Kỹ thuật nuôi thủy sản đặc sản	2	20	20				5
53	AQ4156	Nuôi thủy sản sạch và công nghệ cao	3	30	30				8
54	AQ4157	Khởi nghiệp và tìm kiếm việc làm thủy sản	3	45					7
55	AQ4113	Khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản	2	30					7
56	AQ4127	Tổ chức thị trường tiêu thụ sản phẩm thủy sản	2	30					8
57	AQ4158	Tiếng Anh chuyên ngành nuôi trồng thủy sản	2	30					6
58	AQ4141	Luật thủy sản	2	30					7
59	AQ4130	Các kỹ thuật chẩn đoán bệnh cá tôm	2	20	20				5
3.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn			**8**						
60	AQ4110	Chế biến và bảo quản sản phẩm thủy sản	2	30					6
61	AQ4153	Khuyến ngư	2	30					3
62	AQ4117	Hóa chất cải tạo và xử lý môi trường nuôi động vật thủy sản	2	30					8
63	AQ4133	Chế phẩm sinh học trong nuôi trồng thủy sản	2	30					6
64	AQ4302	Phòng và chữa bệnh ở động vật thủy sản	2	20	20				5
65	AQ4145	Độc chất học thủy vực	2	20	20				8
66	AQ4160	Nuôi trồng thuỷ sản ứng phó với biến đổi khí hậu	2	30					8
67	AQ4126	Kiểm tra chất lượng, an toàn vệ sinh sản phẩm thủy sản	2	30					8
68	AQ4161	Quản lý chất lượng sản phẩm thủy sản	2	30					7
69	AQ4151	Nội tiết học sinh sản	2	30					3
IV. Khối kiến thức thực tập nghề nghiệp			**25**						
71	AQ4139	Thực tập giáo trình cơ sở	4	23	74				5
72	AQ4492	Thực tập nghề cá nước ngọt	6		180				6
73	AQ4401N	Thực tập nghề nuôi hải sản	6		180				7
74	AQ4493	Thực tập cơ sở (Phát triển kỹ năng thương mại thuỷ sản)	3		90				8
75	AQ4406	Thực tập tốt nghiệp ngành nuôi trồng thủy sản	6		180				9
V. Đồ án tốt nghiệp/Học phần thay thế			**10**						
5.1. Đồ án tốt nghiệp			10						
76	AQ4406	Đồ án tốt nghiệp	10						9
5.2. Học phần thay thế Đồ án tốt nghiệp			**10**						
77	AQ4408N	Nghiệp vụ chuyên ngành Nuôi trồng thuỷ sản	4	45	30				9
78	AQ4148	Quản lý dịch bệnh thủy sản	3	45					9
79	AQ4409	Sản phẩm và dịch vụ thủy sản	3	30	30				9
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			**165**	1971	1566				
Tổng số tín chỉ tích luỹ:			151						
Tổng số tín chỉ điều kiện:			14						
Tổng số tín chỉ bắt buộc:			129						
Tổng số tín chỉ tự chọn:			22						